TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2021
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Vững**.
2. Ông **Lê Hoàng Thọ**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Sáng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 5 và ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 509/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Diệp M**, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Ấp MT B, xã MA, huyện TM, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn Q**, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Ấp MT A, xã MA, huyện TM, Đồng Tháp.

(Chị M có mặt tại phiên tòa,
Anh Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Diệp M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ An, được cấp giấy chứng nhận

kết hôn ngày 27/02/2017. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng từ 2018 đến nay thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh Q thay đổi tính tình dính vào con đường cờ bạc gây nợ nần chị phải thường xuyên trả nợ thay cho anh Q. Đồng thời, anh Q thường xuyên kiếm chuyện chửi bới, đánh đập chị, sự việc này xảy ra thường xuyên, nhưng vì thương con và muốn cho anh Q cơ hội nên chị không báo với cha, mẹ chị và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, anh Q vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi nên vào năm 2019 chị về nhà cha, mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Trần V, sinh ngày 09/9/2016 và Phạm D, sinh ngày 16/8/2018. Hiện các con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng các nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Theo đơn khởi kiện thì chị trình bày về nợ không có. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị thay đổi trình bày là về nợ không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Chị cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ chị và anh Q thì chị xin chịu trách nhiệm cùng với anh Q. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Phạm Văn Q mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. Chấp nhận yêu cầu của chị M nuôi 02 con tên Phạm Trần V, sinh ngày 09/9/2016 và Phạm D, sinh ngày 16/8/2018, anh Q không cấp dưỡng.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
+ Giấy khai sinh con chung (bản photo);
+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:

+ Xác nhận của Công an xã Trường Xuân và xã Mỹ An, huyện Tháp Mười;

+ Biên bản lấy lời khai.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 13 tháng 4 năm 2021.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị M về việc yêu cầu được ly hôn với anh Q. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp MT A, xã MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân là ông Mai Văn Thanh, ông Lê Văn Vững và Thư ký phiên tòa là ông Hồ Quốc Thái. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Thanh và ông Thái bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Lê Hoàng Thọ là Hội thẩm nhân dân dự khuyết và bà Phạm Thị Thi là Thư ký phiên tòa dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Q do tự tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ An và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2017. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì chị M và anh Q hạnh phúc thời gian

đầu, đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chị M trình bày là do anh Q thay đổi tính tình dính vào con đường cờ bạc gây nợ nần chị M phải thường xuyên trả nợ thay cho anh Q. Đồng thời, anh Q thường xuyên kiếm chuyện chửi bới, đánh đập chị M, sự việc này xảy ra thường xuyên, nhưng vì thương con và muốn cho anh Q cơ hội nên chị M không báo với cha, mẹ chị và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, anh Q vẫn chứng nào tật nấy không chịu thay đổi nên vào năm 2019 chị M về nhà cha, mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì vợ chồng không có nói chuyện với nhau, cuộc sống của ai người đó nấy lo. Xét thấy, chị M và anh Q đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, anh Q mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì, điều này cho thấy anh Q không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa sơ thẩm thì chị M cương quyết xin ly hôn với anh Q. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa chị M và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị M và anh Q có 02 con chung tên Phạm Trần V, sinh ngày 09/9/2016 và Phạm D, sinh ngày 16/8/2018. Hiện các con đang sống với chị M. Xét từ khi chị M và anh Q ly thân với nhau cho đến nay thì các con sống với chị M tại xã MA và các con vẫn đang được chị M cho đi học bình thường như bao đứa trẻ khác cùng trang lứa tại địa chỉ trên. Do đó, về môi trường sống và học tập của các con đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, được đi học, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời, con tên D tính đến nay vẫn còn dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống chung với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi các con chung, còn anh Q không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về con chung và tính đến nay giữa hai người cũng không có chứng cứ nào chứng minh là đã thỏa thuận được với nhau việc nuôi con chung. Đồng thời, bản thân chị M không thuộc trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, căn cứ theo khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "…3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của chị M là có căn cứ nên chấp nhận.

Về phần cấp dưỡng nuôi các con chung, khi ly hôn chị M không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi các con và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Q thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Q thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Chị M trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Q thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Xét thấy:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. Chấp nhận yêu cầu của chị M nuôi 02 con tên Phạm Trần V, sinh ngày 09/9/2016 và Phạm D, sinh ngày 16/8/2018, anh Q không cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị Mơ phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Diệp M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Diệp M được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

2. Về quan hệ nuôi con: Chị M được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Trần V, sinh ngày 09/9/2016 và Phạm D, sinh ngày 16/8/2018. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi hai con do chị Mơ không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí:

Chị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006482, ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

- UBND xã Mỹ An;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Thi).

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phường